

Bản án số: 367/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1214/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V – sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: 44/4 Đường D, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A – sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: 23 Đường N, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Đ, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 8/3/2019 ông Nguyễn Văn A có Đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 9/11/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 86; Quyền số: 01/2010 do UBND Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6/5/2010). Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi, đánh nhau, hiện ông A đang chấp hành án 8 năm tù tại trại giam D, huyện M, tỉnh Bình Thuận. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Gia H – sinh ngày 30/7/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 8/3/2019, Bị đơn – ông Nguyễn Văn A trình bày: Ngày 4/10/2009 ông và bà Nguyễn Thị Thanh V được UBND Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, quá trình sống chung không xảy ra mâu thuẫn. Ông và bà V có 1 con chung là cháu Nguyễn Gia H - sinh ngày 30/7/2010, ông đồng ý ly hôn và giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông và bà V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Nguyễn Văn A vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông A, được nuôi con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A do ông A có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1

Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà V thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà V có mặt. Ngày 8/3/2019 Bị đơn – ông A có Đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 86; Quyền số: 01/2010 do UBND Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6/5/2010 thì hôn nhân của bà V và ông A là hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà V quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi, đánh nhau, 3 năm nay vợ chồng không sống chung với nhau do ông A đang chấp hành án tại Bình Thuận. Ông A cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, hiện đang thi hành án tại Bình Thuận và đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà V, ông A ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà V, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời thừa nhận của đôi bên đương sự và bản sao Giấy khai sinh số: 612; Quyền số: 03/2010 do UBND phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2010 thì cháu Nguyễn Gia H – sinh ngày 30/7/2010 là con chung của bà V và ông A.

Bà V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Ông A đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H là cháu gái do bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, nên để đảm bảo việc sinh hoạt, học hành của cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao cháu Hân cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H đối với ông A do bà V không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V, ông A khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh V.

a. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn ông Nguyễn Văn A.

b. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H – sinh ngày 30/7/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia H đối với ông Nguyễn Văn A do bà Nguyễn Thị Thanh V không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Thanh V chịu, được miễn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037549 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương